

Tên: .....

Từ vựng & Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S5...

Nghe HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



## GE5 - Unit 7: Ancient Rome and Egypt - Vocabulary 1 & KET Listening

### A. THEORY

#### I. VOCABULARY

##### ❖ Words about inventions with common roots

| No. | Word                   | Meaning       | No. | Word                 | Meaning        |
|-----|------------------------|---------------|-----|----------------------|----------------|
| 1   | <b>invent</b> (v)      | phát minh     | 6   | <b>developer</b> (n) | nhà phát triển |
| 2   | <b>invention</b> (n)   | sự phát minh  | 7   | <b>create</b> (v)    | tạo ra         |
| 3   | <b>inventor</b> (n)    | nhà phát minh | 8   | <b>creation</b> (n)  | sự sáng tạo    |
| 4   | <b>develop</b> (v)     | phát triển    | 9   | <b>creator</b> (n)   | người sáng tạo |
| 5   | <b>development</b> (n) | sự phát triển |     |                      |                |

##### ❖ Egyptian Inventions

| No. | Word                | Meaning      | No. | Word                      | Meaning                           |
|-----|---------------------|--------------|-----|---------------------------|-----------------------------------|
| 1   | <b>medicine</b> (n) | thuốc, y học | 3   | <b>scribes</b> (n)        | những người chép sử               |
| 2   | <b>reed</b> (n)     | cây sậy      | 4   | <b>peculiar paste</b> (n) | keo đặc biệt (dùng trong ướp xác) |

##### ❖ Horatius at the Bridge

| No. | Word                                      | Meaning                   | No. | Word               | Meaning            |
|-----|-------------------------------------------|---------------------------|-----|--------------------|--------------------|
| 1   | <b>axes</b> (n)                           | những cái rìu             | 4   | <b>swift</b> (adj) | nhạy chóng, mau lẹ |
| 2   | <b>dash</b> (v)<br>→ <b>dashed</b> (v-ed) | lao đi<br>→ đã lao đi     | 5   | <b>spears</b> (n)  | các ngọn giáo      |
| 3   | <b>leap</b> (v)<br>→ <b>leaped</b> (v-ed) | nhảy qua<br>→ đã nhảy qua |     |                    |                    |

### II. KET LISTENING

#### 1. Extra vocabulary

##### ❖ CLASSWORK

| No. | Word                    | Meaning             | No. | Word           | Meaning           |
|-----|-------------------------|---------------------|-----|----------------|-------------------|
| 1   | <b>schoolfriend</b> (n) | bạn cùng lớp/trường | 3   | <b>hut</b> (n) | cái chòi, túp lều |
| 2   | <b>ad</b> (n)           | quảng cáo           |     |                |                   |

##### ❖ HOMEWORK

| No. | Word                    | Meaning      | No. | Word              | Meaning           |
|-----|-------------------------|--------------|-----|-------------------|-------------------|
| 1   | <b>civilization</b> (n) | nền văn minh | 3   | <b>grill</b> (v)  | nướng, quay       |
| 2   | <b>drawer</b> (n)       | ngăn kéo     | 4   | <b>shower</b> (n) | phòng tắm vòi sen |

**\*Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ;*  
*v-ed = past simple form of regular verb: quá khứ của động từ có quy tắc.*

**\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).**

## 2. Method: Watch out for traps

Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

- **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng cần nghe kỹ để chọn đáp án đúng.
- **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't, don't, not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.
- **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but, actually, so, in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

### Ví dụ:

**Câu hỏi:** Where did Luis first find out about the game?

- A. from a game website
- B. from a school friend
- C. from a magazine advertisement

### **Bài nghe:**

**Luis:** Charlotte! I've got the computer game called Green Space.

**Charlotte:** Where did you find out about it, Luis?

**Luis:** I borrowed a magazine (C) from a schoolfriend (B) and there was an ad for it. I asked my mum and she bought it for me from their website (A).

**Bấy:** Dù Luis mua trò chơi từ **website** (A), anh ấy biết về trò chơi đầu tiên từ **tạp chí** (C) mà anh mượn từ bạn học.

**Từ khóa:** "find out" nghĩa là biết về, không phải nơi anh mua trò chơi.

**Sự khác biệt:** Tạp chí (C) là **nguồn thông tin đầu tiên**, còn website (A) là **nơi anh mua trò chơi** sau đó.

→ Cần chú ý đến nguồn **thông tin đầu tiên**, không phải nơi anh ấy mua trò chơi.

## B. CLASSWORK

### I. Pre-listening

**A. What do you know about computer games already? Tick the topics that apply to the game "Green Space" you're about to hear.**

- ☐ Building things (e.g., houses, huts)
- ☐ Crossing rivers
- ☐ Finding food

**B. Before listening, think about the following questions and write your predictions. (These will help you listen carefully for specific details.)**

1. How did Luis first find out about the game?

(Did he hear about it from a friend, see an ad, or find it on the internet?)

2. Who does Luis want to play the game with?

(Does he want to play with his brother, his cousin, or someone else?)

3. What is the main thing Luis likes to do in the game?

(Is it crossing rivers, finding food, or something else?)

II. For each question, choose the correct answer.

### KET PART 3 – 5 questions

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w23\\_classwork\\_ket-part-3](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w23_classwork_ket-part-3)



You will hear Luis talking to his friend Charlotte about a computer game.

- 11 Where did Luis first find out about the game?
  - A from a game website
  - B from a school friend
  - C from a magazine advertisement
- 12 Charlotte likes the game because
  - A it's funny.
  - B it's hard.
  - C it's new.
- 13 Who does Luis want to play the game with?
  - A his brother
  - B his granddad
  - C his cousin
- 14 How long did Charlotte play the game for last Saturday?
  - A forty-five minutes
  - B one hour
  - C one hour and thirty minutes
- 15 Which part of the game does Luis like best?
  - A finding food
  - B building a hut
  - C crossing the river

## C. HOMEWORK

### VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

#### I. Read the sentences. Choose the best answer in the box to fill in the blank.

|                    |           |          |          |           |             |
|--------------------|-----------|----------|----------|-----------|-------------|
| <del>creator</del> | invention | creation | inventor | developer | development |
|--------------------|-----------|----------|----------|-----------|-------------|

0. A person who creates something is a(n) creator.

1. A person who develops things is a(n) .....
2. Someone who invents things is a(n) .....
3. Something that someone develops is a(n) .....
4. The thing that someone invents is called a(n) .....
5. The thing that someone creates is called a(n) .....

#### II. Read the text and choose the correct answers.

#### Ancient Egypt and Ancient Rome

Ancient Egypt and Ancient Rome are two of the most well-known ancient civilizations. Both civilizations contributed greatly to human history in areas such as architecture, technology, and culture. In Egypt, one of the most important inventions was medicine. The ancient Egyptians were skilled in healing and used various treatments made from natural resources. They also used reed to make paper, which was later called papyrus. The Egyptians wrote on this paper, and many of their records were kept by scribes, who were highly respected in society. One of their most famous inventions was a peculiar paste made from natural ingredients, which they used for *mummification* (quá trình ướp xác).

Meanwhile, in Ancient Rome, axes were common tools used for chopping wood and in battle. Roman soldiers often dashed into battle, using their weapons with speed and strength. The Romans were also known for their **swift** tactics in warfare. They even leaped over obstacles during battles. Roman soldiers used spears for long-range fighting and to defend their positions.

#### 0. What is the main topic of the text?

- A. The famous wars in Ancient Rome
- ☒ B. The contributions of Ancient Rome and Egypt
- C. The technology used in Ancient Rome

#### 1. Which invention was made from reed in Ancient Egypt?

- A. Papyrus
- B. Medicine
- C. Axes

#### 2. Who in Ancient Egypt wrote records and documents?

- A. Builders
- B. Priests
- C. Scribes

#### 3. What were axes commonly used for in Ancient Rome?

- A. As weapons for soldiers
- B. For cutting trees
- C. Both B and C

#### 4. What does the word "swift" mean in the context of the text?

- A. Strong and powerful
- B. Quick and fast
- C. Slow and steady

5. According to the text, which civilization was famous for its medicine?

A. Ancient Egypt

B. Ancient Rome

C. Both civilizations

III. Complete the sentences with PAST CONTINUOUS or PAST SIMPLE.

0. While I was hiking (hike) in the mountain range yesterday, it started (start) to rain.

1. The diver ..... (explore) the coral reef when he ..... (see) a rare fish.

2. We ..... (look) at the rock formation when a strong wind ..... (begin) to blow.

3. While we ..... (walk) along the coast, we ..... (find) a beautiful shell.

4. The scientists ..... (study) the tropical rainforest when they ..... (discover) a new species of frog.

5. While I ..... (measure) the length of the river, my friend ..... (take) some photos.

### CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (10 questions)

#### I. KET PART 1

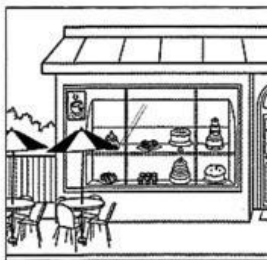
Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w23\\_homework\\_ket-part-1](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w23_homework_ket-part-1)

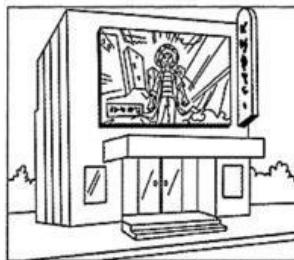


Listen and tick (✓) the box.

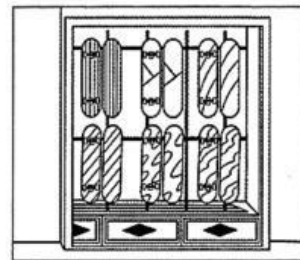
1 Where's the girl going this afternoon?



A

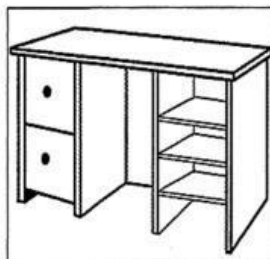


B



C

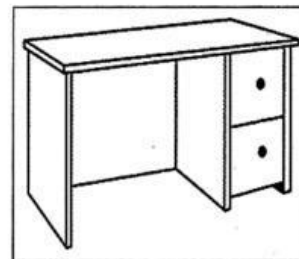
2 Which is the boy's new desk?



A



B

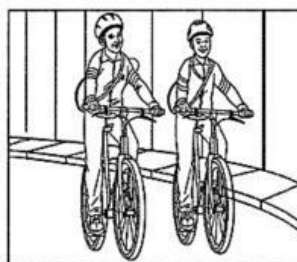


C

3 How will they get to their tennis class?



A



B



C

4 Which woman is Laura's new English teacher?



A

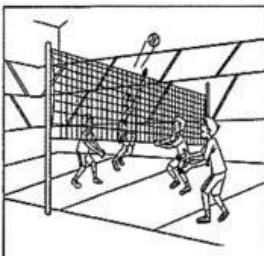


B

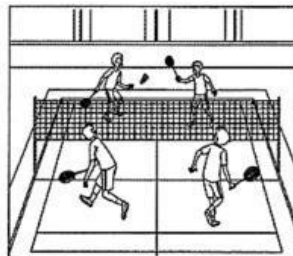


C

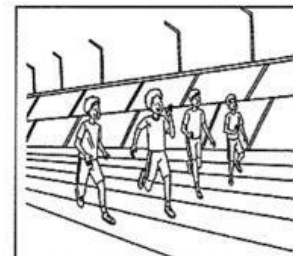
5 What might Harry do if it rains on Saturday?



A



B



C

## II. KET PART 3

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5\\_w23\\_homework\\_ket-part-3](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s5_w23_homework_ket-part-3)

For each question, choose the correct answer.

You will hear Jasmine talking to her aunt about a camping trip.



- 11 Where did Jasmine and her aunt go swimming?
  - A in the mountain
  - B in the river
  - C in the lake
- 12 How did Jasmine feel about sleeping in a tent to start with?
  - A sleepy
  - B worried
  - C happy
- 13 What did Jasmine's aunt like cooking?
  - A cake
  - B steak
  - C snack
- 14 Jasmine's aunt thought the campsite
  - A needed a shop.
  - B had good showers.
  - C was too small.
- 15 Which activity did Jasmine like best?
  - A drawing
  - B fishing
  - C sleeping